

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở, năm học 2018-2019

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1195	332	260	306	297
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	920/77.0%	263/79.2%	208/80.0%	222/72.5%	227/76.4%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	243/20.3%	58/17.5%	45/17.3%	70/22.9%	70/23.6%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	32/2.7%	11/3.3%	7/2.7%	14/4.6%	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1195	332	260	306	297
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	363/30.4%	124/37.3%	97/37.3%	56/18.3%	86/29.00%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	466/39.0%	123/37.0%	98/37.7%	126/41.2%	119/40.1%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	311/26.0%	65/19.6%	57/21.9%	98/32.0%	92/30.9%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	51/4.3%	20/6.0%	7/2.7%	24/7.8%	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	3/0.3%	0	1/0.4%	2/0.7%	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1195	332	260	306	297
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1141/95.5%	312/94.0%	252/96.9%	280/91.5%	297/100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	352/29.5%	115/34.6%	96/36.9%	55/18.0%	86/29.0%

b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	476/39.8%	132/39.8%	99/38.1%	126/41.2%	119/40.1%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	45/3.8%	16/5.1%	7/2.8%	22/7.8%	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	15/1.3%	6/1.9%	2/0.8%	7/3.9%	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0/46	0/22	0/6	0/16	0/2
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	18	2	7	4	5
1	Cấp huyện					
2	Cấp tỉnh/thành phố	18	2	7	4	5
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	297				297
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	86/29.0%				86/29.0%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	119/40.1%				119/40.1%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	92/30.9%				92/30.9%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	244/297 (93.5%)				244/297 (93.5%)
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	557/1195	147/332	115/260	154/306	141/297
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	49	10	12	9	18

Quận 3, ngày 15 tháng 6 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

Lưu Thị Hà Phương